

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2022/DS-PT

Ngày: 26 – 7 – 2022.

V/v “*Kiểm đòi tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Tấn Đức

Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Văn Tú

2. Ông Nguyễn Duy Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 124/2022/TLPT-DS ngày 21/6/2022 về việc: “*Kiểm đòi tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **141**/2022/QĐ-PT ngày 19/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng H. Địa chỉ: Đường N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức D. Địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lưu Thị Ánh O. Địa chỉ: Đường N, tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1 Bà H T, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Buôn T, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3.2. Bà Dương Thị Phương L, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

3.3 Bà Đào Như T; Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt và từ chối tham gia tố tụng.

3.4 Ông Nguyễn Văn M; Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

3.5 Ông Đặng Ngọc P; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

3.6 Ông Trịnh Hưng K; Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, nên trong năm 2019 bà Võ Thị Hồng H có vay của bà Lưu Thị Ánh O nhiều lần với tổng số tiền 6.400.000.000đ, mục đích vay chủ yếu là để đáo hạn ngân hàng, khi vay hai bên đã thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 3.000đ/ 1 triệu đồng/ 1 ngày. Đến ngày 31/03/2019 hai bên đã tiến hành đối chiếu sổ sách và lập 4.600.000.000đ, cùng với lãi suất phát sinh và còn nợ lại số tiền 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng) tiền gốc, các bên thỏa thuận miệng không tính lãi suất nữa và hẹn trong vòng 05 tháng trả đủ số tiền còn nợ. Sau khi các bên lập giấy thỏa thuận trả nợ thì đến ngày 28/6/2019 bà H đã trả dứt điểm số tiền 1.800.000.000đ cho bà Lưu Thị Ánh O, số tiền 1.800.000.000đ bà H trả cho bà O vào các lần cụ thể như sau: Ngày 01/4/2019 trả 100.000.000đ; ngày 03/5/2019 trả 100.000.000đ; ngày 22/5/2019 trả 400.000.000đ; ngày 28/6/2019 trả hết số tiền còn nợ lại là 1.200.000.000 đồng. Đến ngày 28/6/2019 khi giao nhận tiền thì các bên có lập biên bản thanh toán nợ thể hiện rõ nội dung: “Bà Võ Thị Hồng H đã trả đủ số tiền 1.200.000.000 đồng để thanh toán số nợ cho chị Lưu Thị Ánh O với sự chứng kiến của chị H’ T khi giao tiền. Toàn bộ giấy tờ vay nợ giữa chị H và chị O không còn giá trị pháp lý”.

Như vậy, tính đến ngày 28/6/2019 bà H đã trả đủ số tiền vay gốc là 6.400.000.000đ (Sáu tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn) cho bà Lưu Thị Ánh O, tuy nhiên sau khi trả xong số tiền 6.400.000.000 đồng cho bà O theo giấy thỏa thuận trả nợ lập ngày 31/03/2019, đến ngày 07/11/2019 bà O thuê một nhóm dân xã hội khoảng 10 người tự xưng là “Công ty đòi nợ thuê” đến gia đình bà H tại: Thôn A, xã K, huyện M để đe dọa uy hiếp gia đình, nhằm ép buộc bà H phải trả thêm cho bà O số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) gọi là “Tiền lãi phát sinh” nên bà H cùng đến Công huyện M nhờ can thiệp, quá trình làm việc tại Công huyện M (không nhớ họ tên của người đó) họ nói với bà H chỉ đảm bảo an toàn cho bà H trong địa bàn huyện còn khi bà H đi ra ngoài huyện thì họ không chịu trách nhiệm, vì vậy bà Võ Thị Hồng H đã miễn cưỡng trả cho bà O số tiền 600.000.000đ, với mục đích là đổi lại sự an toàn cho gia đình bà H. Sau khi nhận số tiền 600.000.000đ từ bà H thì bà O đã viết giấy cam kết, lập ngày 12/11/2019, có nội dung: “*đã nhận đủ số tiền này nên từ nay về sau tôi với chị H không nợ nần gì với nhau nữa*”. Tuy nhiên, ngày 04/10/2020, khi bà H đang đi công việc trên

thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì bị bà O dàn cảnh thuê bọn giang hồ bắt giữ, khống chế bà H từ lúc 11 giờ đến hơn 14 giờ để ép bà H viết giấy nhận nợ, ép bà H phải tiếp tục đưa thêm cho bà O số tiền **660.000.000đ** (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng) thì mới chịu để cho bà H yên ổn nhưng bà H không đồng ý. Sau khi thoát được, bà H làm đơn trình báo sự việc đến Công an thành phố B. Quá trình làm việc tại Cơ quan Công an, bà O đã chủ động đến xin lỗi, thừa nhận đã thuê nhóm giang hồ để bắt giữ, đe dọa bà H nhằm ép buộc phải đưa tiền cho bà O, đồng thời, viết giấy xác nhận: “Việc nợ nần đã tất toán, thực hiện xong với nhau từ lâu và hứa sẽ không tổ chức thuê người hành hung, đe dọa bà H nữa” nên bà H đã làm đơn xin rút yêu cầu xử lý hình sự đối với bà O gửi Công an thành phố B.

Xét thấy việc bà H miễn cưỡng trả số tiền 600.000.000 đồng cho bà O nhưng bà O vẫn tiếp tục đòi tiền của bà H. Vì vậy, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lưu Thị Ánh O phải trả lại cho bà Võ Thị Hồng H số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) đã nhận theo giấy cam kết, lập ngày 12/11/2019; Về lãi suất phát sinh nguyên đơn không yêu cầu.

*** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Duy B trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết nhau nên từ ngày 03/01/2019 đến ngày 18/01/2019, bà Lưu Thị Ánh O có cho bà Võ Thị Hồng H vay nhiều lần với tổng số **tiền là 6.400.000.000đ** (Sáu tỷ bốn trăm triệu đồng) tiền vay gốc. Khi vay tiền các bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 1.500 đồng/1triệu đồng/1 ngày. Tính đến ngày 12/11/2019 bà Võ Thị Hồng H đã trả cho bà Lưu Thị Ánh O tổng cộng số tiền là 7.000.000.000đ, trong đó số tiền vay nợ gốc là 6.400.000.000đ và 600.000.000đ tiền lãi suất, các lần trả tiền cụ thể như sau: Từ ngày 03/01/2019 đến ngày 18/01/2019 bà H trả cho bà O 4.600.000.000đ tiền vay gốc (theo giấy thỏa thuận trả nợ lập ngày 31/03/2019); ngày 01/4/2019 trả 100.000.000 đồng; ngày 03/5/2019 trả 100.000.000 đồng; ngày 22/5/2019 trả 400.000.000đ; ngày 28/6/2019 bà H trả số tiền là 1.200.000.000 đồng và ngày 12/11/2019 bà H trả cho bà O 600.000.000đ tiền lãi suất.

Tuy nhiên đến ngày 09/12/2021, cũng như tại phiên tòa ông Lê Duy B thay đổi lời khai cho rằng: Do trước đây bà O bị bệnh rối loạn tiền đình não nên có nhầm số tiền 600.000.000đ bà H khởi kiện 600.000.000đ là tiền lãi suất bà H trả cho bà O nhưng nay bà O khỏi bệnh nhớ lại số tiền 600.000.000đ bà H trả là tiền vay nợ gốc chứ không phải trả tiền lãi suất như lời khai trước đây, cụ thể: Vào ngày 28/6/2019 bà Lưu Thị Ánh O và bà Võ Thị Hồng H có lập biên bản thanh toán nợ với tổng số tiền bà H trả cho bà O là 1.200.000.000đ nhưng sau khi bà O ký xác nhận dưới mục người nhận tiền, bà H cầm biên bản thanh toán nợ xong thì bà H chỉ trả cho bà O số tiền 600.000.000 đồng, còn lại 600.000.000 đồng bà H

hẹn sang tuần bà H đi vay tiền ngân hàng về trả cho bà O, do tin tưởng chỗ chị em làm ăn với nhau nên bà O đã đồng ý cho bà H khất lại nợ nhưng chỉ thỏa thuận miệng với nhau chứ không viết lại giấy hẹn nợ, sau đó O đã nhiều lần đòi tiền mãi đến ngày 12/11/2019 bà H mới trả cho bà O số tiền 600.000.000đ tại Công an huyện M. Nguồn gốc số tiền 600.000.000đ của bà H trả cho bà O là bà H vay tiền của bà Dương Thị Phương L, thường trú tại: Thôn A, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để trả cho bà Lưu Thị Ánh O. Như vậy tính đến ngày 12/11/2019 bà Võ Thị Hồng H trả đủ cho bà Lưu Thị Ánh O tổng số tiền vay gốc là 6.400.000.000đ;

Về phần lãi suất phía đại diện nguyên đơn cho rằng bà O cho bà H vay mức mức lãi suất 3.000đ/ 1 triệu đồng/ 1 ngày là không đúng mà bà O cho bà H vay lãi suất 1.500đ/ 1 triệu đồng/ ngày, là mức lãi suất các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau, trong quá trình vay tiền bà H nói khó khăn nên xin toàn bộ khoản tiền lãi suất của bà O. Tuy nhiên đến ngày 04/10/2020 bà O đi mua cây cảnh tại B thì phát hiện bà H có tiền mua căn nhà tại thành phố B, do đó bà O gặp bà H để đòi tiếp số tiền lãi suất còn lại là 660.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng), nên đã xảy ra xô xát bà H trình báo với Công an thành phố B, do đó bà O không yêu cầu bà H trả tiền lãi suất nữa. Vì vậy giữa bà H và bà O không còn nợ nần gì với nhau nữa.

Nay bà Võ Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu bà Lưu Thị Ánh O trả lại số tiền 600.000.000đ theo giấy cam kết, lập ngày 12/11/2019 thì bà O không chấp nhận việc khởi kiện của bà H, với các lý do sau:

Thứ nhất, việc bà Võ Thị Hồng H trả số tiền **600.000.000đ** (*bằng chữ: sáu trăm triệu đồng Việt Nam*) cho bà O là hoàn toàn tự nguyện, không có sự cưỡng bức, ép buộc hoặc đe dọa nào cả.

Thứ hai, việc trả tiền giữa bà H và bà O được diễn ra trước sự chứng kiến của cán bộ nhà nước (tại cơ quan Công an huyện M) thì không thể nói là bà O đã có hành vi cưỡng ép bà H để lấy tiền được, nếu có sự cưỡng bức tại sao lại đưa nhau đến cơ quan Công an huyện M để trả tiền?

Thứ ba, nếu bà H cho rằng bà O cưỡng bức bà H lấy tiền từ ngày 12/11/2019 đến nay đã hơn một năm tại sao bà H không đi trình báo cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương?.

Với các lý do nêu trên đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H; về lãi suất phát sinh bà O không yêu cầu Tòa án xem xét.

* Người làm chứng bà H T trình bày: Do trước đây tôi có vay tiền của bà H nên tối ngày 28/6/2019 bà H có xuống nhà chở tôi lên nhà bà H ở tại thị trấn M, huyện M để chứng kiến việc bà O đòi nợ bà H và đề nghị tôi trả tiền gấp để bà H

trả tiền cho bà O. Khi đó bà H và bà O có nhờ tôi viết dùm biên bản thanh toán nợ nên tôi đã đồng ý viết, về nội dung trong biên bản là do bà H và bà O đọc cho tôi viết, còn nội dung các bên thỏa thuận cụ thể như thế nào thì tôi không biết, sau đó tôi thấy bà H đưa cho bà O mấy cọc tiền, còn số tiền bao nhiêu tôi không biết, quá trình ghi biên bản trả nợ tôi nghe bà O và bà H thống nhất là bà H đưa cho bà O 1.200.000.000đ và bà H trả xong nợ, sau đó bà O trả lại giấy vay ngày 22/5/2019 với số tiền 1.200.000.000đ cho bà H. Sau khi tôi viết biên bản thanh toán nợ xong tôi đưa cho bà O, bà H đọc kỹ lại biên bản và đưa lại cho tôi ký xác nhận dưới mục người làm chứng, bà Lưu Thị Ánh O ký xác nhận dưới mục người nhận tiền và bà H ký xác nhận dưới mục người đưa tiền, sau đó tôi cùng con gái tôi đi về nhà.

*** Người làm chứng bà Dương Thị Phương L trình bày:** Vào ngày 12/11/2019 tôi mang số tiền 600.000.000đ xuống tại Công an huyện M cho bà H vay để bà H giải quyết công nợ dứt điểm với bà O, khi tôi cho bà H vay số tiền 600.000.000đ, bà H có viết giấy vay tiền đưa cho tôi cất giữ. Sau đó bà H cùng với bà O và có sự tham gia của tôi vào phòng của Công an bà H đưa cho bà O một tờ giấy đã viết sẵn nội dung chữ viết của bà H và bà H yêu cầu bà O chép lại nội dung trong giấy đó thì bà H mới trả tiền nên bà O đã chép lại nội dung văn bản đó có sự chứng kiến của 3 người Công an nhưng tôi không nhớ họ tên của những người này và những người có mặt không trực tiếp ký vào biên bản mà chỉ có bà H với bà O ký xác nhận vào biên bản cam kết trả nợ tại Công an nên tôi chỉ chứng kiến việc bà H có trả cho bà O số tiền 600.000.000đ tại Công an. Còn sự việc vào ngày 28/6/2019 bà H trả cho bà O số tiền 1.200.000.000đ hay không thì tôi không nhớ, vì khi đó bà O chỉ nhờ tôi chở xuống nhà bà H để bà O đòi nợ, hơn nữa do việc này đã lâu, cũng không phải việc của tôi nên tôi không nhớ.

*** Tại biên bản lấy lời khai, ngày 01/11/2021 (bút lục số 88) người làm chứng ông Nguyễn Văn M trình bày:** Năm 2019 khi tôi đang giữ chức vụ Trưởng Công an xã K (hiện nay tôi đã nghỉ hưu), thì ngày 12/11/2019 tôi nhận được tin báo của người dân thôn 4, xã K báo có người đòi nợ thuê đến nhà bà H để đòi nợ, sau đó tôi xuống kiểm tra tình hình thế nào và yêu cầu những người có mặt giải tán, nhưng họ không chịu, sau đó có một người phụ nữ (sau này tôi mới biết tên là Lưu Thị Ánh O) đến gặp và nói với tôi là đi đòi nợ bà H. Tôi nói với bà O nếu đòi nợ thì vào làm việc cho đảng hoàng, sau đó hai bên trình bày bà H nói đã trả xong tiền cho bà O và bà H đã cung cấp các giấy tờ liên quan. Còn bà O cho rằng bà H chưa trả nợ nhưng không cung cấp giấy tờ gì. Sau khi xem xét các giấy tờ của bà H cung cấp tôi yêu cầu các bên giải tán, đồng thời giải thích nếu có căn cứ thì có quyền làm đơn đến Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên phía

bà O không chịu giải tán, lúc này có người đàn ông nói lớn “ Lấy được nợ bà H chúng tôi mới về”, sau đó nhóm người đòi nợ của bà O và một số thanh niên của thôn gây mâu thuẫn với nhau nên tôi đã báo với Công an huyện M. Khoảng 30 phút sau Công an huyện M đến và đưa bà H đến Công an huyện M để bảo toàn tính mạng cho bà H, còn mấy người đòi nợ thuê ở lại nhà bà H 05 ngày sau mới chịu về. Khoảng 7 ngày sau tôi gặp bà H để hỏi tình hình thì bà H bảo tôi: “Em đã giải quyết xong 600.000.000đ cho bà O để mua lại sự an toàn và tính mạng”, tôi không chứng kiến việc bà H đưa 600.000.000đ cho bà O.

* Tại bản tự khai lập ngày 01/11/2021 (bút lục số 95-96) người làm chứng ông Trịnh Hưng K trình bày: Tôi chưa bao giờ chứng kiến việc bà H trả tiền cho bà Lưu Thị Ánh O vào ngày 12/11/2019 như bà H trình bày, tuy nhiên vào cuối năm 2019 tôi không nhớ ngày tháng bà H có đến Công an huyện M trình báo về việc bị một nhóm người đòi nợ thuê đến đòi nợ với bà H nên tôi được trực ban Công an huyện M nhưng không nhớ là ai phân công tôi cùng với một số trực ban khác nhưng không nhớ tên tham gia bảo vệ bà H tại trụ sở Công an huyện để cán bộ lấy lời khai của bà H và để Công an xã K làm việc với số người đến nhà bà H đòi nợ, diễn biến tại nhà bà H thế nào tôi không biết, tôi chỉ ở Công an huyện M được phân công không cho một số người lạ mặt tiếp cận bà H. Sau đó bà H xin ra ngoài để thỏa thuận với chủ nợ nên chúng tôi đã đồng ý để bà H tự đi nói chuyện nợ nần với chủ nợ, nội dung bà H nợ nần như thế nào, số tiền bao nhiêu, nợ ai lúc đó thì tôi không biết. Sau đó tôi nghe bà H nói đã làm xong giấy tờ và trả đủ tiền nợ cho chủ nợ rồi, bà H mới nói người đó tên O nên tôi mới biết, sau đó bà H đi về nhà và không yêu cầu chúng tôi bảo vệ nữa. Nội dung nợ nần giữa bà H với bà O như thế nào tôi không nắm được và tôi không chứng kiến việc bà H trả cho bà O số tiền 600.000.000đ mà chỉ nghe bà H nói lại với tôi là đã trả đủ rồi và có làm giấy tờ ký tá xong rồi, chứ tôi không tận mắt chứng kiến việc giao nhận tiền.

* Tại bản tự khai lập ngày 02/11/2021 (bút lục số 89) người làm chứng ông Đặng Ngọc P trình bày: Tôi không quen biết và chưa từng tiếp xúc với bà Lưu Thị Ánh O nên hoàn toàn không biết việc bà Võ Thị Hồng H và bà Lưu Thị Ánh O giao nhận tiền. Vào thời gian khoảng tháng 11/2019 tôi đang giữ chức vụ Đội trưởng đội cảnh sát điều tra về tội phạm về hình sự, kinh tế và ma túy Công an huyện M nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra không nhận được trình báo của bà Võ Thị Hồng H về việc bị bắt giữ, đe dọa, ép buộc để giao tiền cho người khác. Cũng trong thời gian này tôi không nhớ chính xác thời gian do đã lâu, có Công ty đòi nợ thuê đến thực hiện việc đòi nợ bà Võ Thị Hồng H tại thôn 4, xã K nhưng đại diện Công ty đã thông báo cho UBND xã K và thực hiện hoạt động đòi nợ theo quy định, không gây mất trật tự tại địa phương nên cơ quan không xử lý. Tôi

không biết việc giao nhận tiền giữa bà Võ Thị Hồng H và bà Lưu Thị Ánh O nên việc bà H khởi kiện bà O thuộc trách nhiệm của cơ quan chức năng tôi không có ý kiến gì.

* Tại bản lấy lời khai, lập ngày 06/8/2021 (bút lục số 73) người làm chứng bà Đào Như T trình bày: Vào ngày 12/11/2019 tại Công an huyện M tôi có chứng kiến việc bà Võ Thị Hồng H trả tiền cho bà Lưu Thị Ánh O, còn cụ thể bà H đưa cho bà O số tiền bao nhiêu, nguồn gốc số tiền như thế nào vì không ai nói với tôi và tôi không được đếm nên tôi không biết. Tại giấy cam kết, lập ngày 12/11/2019, chữ ký, chữ viết dưới mục người chứng kiến là do tôi ký, viết ra, lý do tôi ký dưới mục người chứng kiến là do Công an huyện M mời tôi đến để tham gia với tư cách là người chứng kiến sự việc nêu trên, còn cụ thể nội dung làm việc như thế nào tôi không được biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 94, Điều 195, Điều 203; điểm b khoản 2, khoản 2 Điều 244, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H.

1. Buộc bà Lưu Thị Ánh O phải có trách nhiệm trả lại cho Võ Thị Hồng H số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Duy B không yêu cầu xem xét về phần lãi suất phát sinh, do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/4/2022, bị đơn bà Lưu Thị Ánh O nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đơn kháng cáo của bị đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lưu Thị Ánh O được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, HĐXX xét thấy:

[2.1]. Các bên đều thừa nhận từ ngày 03/01/2019 đến ngày 18/01/2019, bà O có cho bà H vay số tiền gốc là 6.400.000.000 đồng, về phần lãi suất các bên không chứng minh được là bao nhiêu. Tới ngày 31/3/2019, thì bà H đã trả được 4.600.000.000 đồng, còn nợ lại 1.200.000.000 đồng và lập Giấy nợ tiền ngày 22/5/2019, (Thỏa thuận bà H sẽ trả hết trong 02 đợt 22/6/2019 và 22/7/2019). Các sự việc này, các bên đều thống nhất. Như vậy, các bên đã thừa nhận số tiền 6.400.000.000đ bà H vay của bà O là tiền gốc.

Về các tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp cho Tòa án thì các bên đều thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình không bên nào đề nghị giám định chữ ký chữ viết.

Tới ngày 12/11/2019, bà H trả cho bà O 600.000.000 đồng tại Công an huyện M, có sự chứng kiến của bà L, bà Thùy. Bà H cho rằng số tiền này là bà O ép buộc, đe dọa bà H phải đưa cho bà O để đổi lấy sự an toàn tính mạng.

[2.2]. Giấy cam kết lập ngày 12/11/2019 tại Công an huyện M thể hiện nội dung *“Đến ngày hôm nay (ngày 12/11/2019) chị H đã trả cho tôi tổng cộng 5.800.000.000 đồng còn nợ lại 600.000.000 đồng. Hôm nay chị H đem trả số tiền còn lại đang thiếu của tôi là 600.000.000 đồng...”*. Cam kết này được bà O viết có sự chứng kiến của bà L và bà Thùy, sau khi viết thì giấy này được giao cho bà H giữ từ đó tới khi khởi kiện bà H không có ý kiến gì về giấy cam kết này. Quá trình giải quyết vụ án, các bên cũng không ai có ý kiến gì về Giấy cam kết nói trên. Như vậy, nội dung của giấy cam kết này đã thể hiện rõ số tiền 600.000.000 đồng này là số tiền mà bà H đang còn thiếu chưa trả đủ cho bà O trong tổng số tiền gốc 6.400.000.000đ mà bà H nợ của bà O.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Duy B ban đầu khai số tiền 600.000.000đ này là tiền lãi của khoản 6.400.000.000 đồng nhưng sau đó ông đã thay đổi lời khai xác định số tiền 600.000.000 đồng mà bà H cho bà O trả là số tiền gốc.

[2.3]. Theo lời khai của bà Dương Thị Phương L khai, ngày 12/11/2019, bà L có cho bà H vay 600.000.000 đồng tại Công an huyện M, lý do vay “*Để trả nợ cho bà Lưu Thị Ánh O*”, có lập giấy vay tiền và bà H có ký vào giấy vay này. Như vậy, tại thời điểm bà L vay bà H 600.000.000 đồng, thì bà H cũng đã mặc nhiên thừa nhận vẫn còn nợ bà O nên bà H vay tiền của bà L với lý do để trả cho bà O.

[2.4]. Khi bà H trả 600.000.000 đồng cho bà O là tại Công an huyện M, có sự chứng kiến của nhiều người nhưng không ai có lời khai rằng bà O có hành vi đe dọa, ép buộc bà H phải trả tiền cho bà O. Bà H cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh bà O đã có hành vi đe dọa, ép buộc để bà H giao 600.000.000 đồng cho bà O vào ngày 12/11/2019. Hơn nữa, việc trả tiền tại phòng làm việc của trụ sở Công an huyện M có sự chứng kiến của nhiều người nên việc bà H cho rằng bị bà O ép buộc trả tiền tại đây cũng không phù hợp.

Từ những lập luận trên cho thấy, mặc dù tại “Biên bản thanh toán nợ” ngày 28/6/2019 có thể hiện nội dung bà H đã trả đủ số tiền 1.200.000.000 đồng cho bà O. Nhưng ngày 12/11/2019, bà H lại đi vay của bà L số tiền 600.000.000 đồng (với lý do vay để trả cho bà O); và sau đó bà H đã trả cho bà O số tiền 600.000.000 đồng này tại Công an huyện M mà không có căn cứ chứng minh rằng bản thân bị bà O ép buộc, đe dọa. Hơn nữa, Giấy cam kết viết ngày 12/11/2019 (được bà O viết) thì bà H là người giữ suốt trong một thời gian dài, lại thể hiện việc bà H trả 600.000.000 đồng cho bà O là trả số tiền gốc còn lại trong tổng số tiền gốc 6.400.000.000 đồng mà bà H nợ của bà O.

Như vậy, đủ cơ sở khẳng định, vào ngày 28/6/2019, bà O chưa nhận được đủ số tiền 1.200.000.000 đồng mà chỉ nhận được 600.000.000 đồng, và tới ngày 12/11/2019 tại Công an huyện M thì bà H mới trả đủ số tiền 600.000.000 đồng còn lại, việc bà H trả tiền cho bà O là không bị đe dọa, ép buộc. Tức là, tới ngày 12/11/2019, bà O mới nhận đủ số tiền gốc 6.400.000.000 đồng từ bà H. Bà H khởi kiện cho rằng bà đã trả đủ toàn bộ nợ gốc cho bà O vào ngày 28/6/2019 như nội dung tại “Biên bản thanh toán nợ” là không đúng sự thật. Bà O là người được toàn quyền đối với số tiền 600.000.000 đồng này.

Do đó, đơn kháng cáo của bà Lưu Thị Ánh O là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bị đơn bà Lưu Thị Ánh O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Sửa lại án phí dân sự sơ thẩm, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị Ánh Hồng. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ khoản 2 Điều 166 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H về việc: Buộc bà Lưu Thị Ánh O phải có trách nhiệm trả lại cho Võ Thị Hồng H số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn).

Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

+ Bà Lưu Thị Ánh O không án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà bà Võ Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 28.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0011550 ngày 06/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, bà H phải nộp thêm 14.000.000 đồng.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Bà Lưu Thị Ánh O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà Lưu Thị Ánh O 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0006090 ngày 05/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức